

Bản án số: 20 /2018/DS-ST
Ngày: 14/5/2018
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HT, TỈNH TN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **LÊ NGỌC TRÂM.**

2. Bà **ĐỖ THỊ MỸ HẠNH.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện HT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT tham gia phiên tòa:* Ông **ĐẶNG QUỐC SĨ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HT xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2018/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **DTA**, sinh năm 1959. Địa chỉ: số 773, ấp NTr, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).

* **Bị đơn:** Anh **LMN**, sinh năm 1974 và chị **PTTK**, sinh năm 1978. Cùng địa chỉ: số 88, Ô3, tổ 21, ấp TL, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh **NTH**, sinh năm 1959. Địa chỉ: số 62/1, kp1, thị trấn HT, huyện HT, tỉnh TN (theo văn bản ủy quyền ngày 28/10/2017) (có mặt).

* **Người làm chứng:** Bà **HTT**, sinh năm 1959. Địa chỉ: Ô 4/26, ấp TL, xã TĐ, huyện HT, tỉnh TN (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2017 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà DTA trình bày như sau:

Bà A và vợ chồng anh LMN, chị PTTK không có quan hệ họ hàng, biết nhau do cùng xóm, trước thời điểm ngày 28/3/2016 âm lịch thì giữa bà A và anh Ng, chị K không có việc vay mượn tiền với nhau, từ ngày 28/3/2016 âm lịch đến ngày 17/5/2016 âm lịch, bà A có cho anh Ng vay tiền 03 lần, cụ thể như sau:

+ Ngày 28/3/2016 âm lịch, bà A cho anh Ng vay số tiền 10.000.000 đồng, mục đích vay để chữa bệnh cho con, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, vay không thỏa thuận thời hạn trả, khi vay anh Ng nói 01 tháng trả, không thể chấp tài sản, không có làm giấy tờ, đến thời hạn 01 tháng anh Ng có trả cho bà A số tiền lãi 400.000 đồng nhưng không có trả tiền gốc.

+ Ngày 02/5/2016 âm lịch, bà A cho anh Ng vay số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay để chữa bệnh cho con, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, vay không thỏa thuận thời hạn trả, không thể chấp tài sản, không làm giấy tờ, khoản vay anh Ng chưa trả lãi lần nào.

+ Ngày 17/5/2016 âm lịch, bà A cho anh Ng vay số tiền 390.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hứa 03 ngày trả, không có thể chấp tài sản, không có làm giấy tờ, khoản vay chưa trả lãi lần nào.

➔ Tổng cộng, anh Ng vay của bà A số tiền 420.000.000 đồng.

Việc vay tiền của bà A thì anh Ng là người trực tiếp vay tiền và nhận tiền, chị K không biết, khi vay do tin tưởng nên bà A không có yêu cầu anh Ng viết giấy nợ. Sau khi anh Ng không trả nợ cho bà A như đã hứa, bà A mới đến nhà anh Ng đòi nợ thì không gặp anh Ng mà gặp vợ anh Ng là chị K thì chị K hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà A số tiền 2.000.000 đồng nên chị K cũng biết khoản nợ này, việc chị K hứa trả nợ cho bà A thì bà A có ghi âm lại và đã nộp cho Tòa án.

Do bà A vay tiền của người khác với lãi suất 3%/tháng để cho anh Ng vay lại, lần vay tiền sau cùng vào ngày 17/5/2016 âm lịch nên bà A yêu cầu anh Ng và chị K cùng có Ng vụ trả cho bà A số tiền 420.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 3%/tháng từ ngày 17/5/2016 âm lịch cho đến khi Tòa án giải quyết xong.

Ngoài ra, bà A không còn yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 10/11/2017, bị đơn anh LMN trình bày như sau:

Anh Ng và chị K là vợ chồng, từ trước đến nay vợ chồng anh chị không có bất kỳ quan hệ vay mượn tiền gì với bà A, trước đây khi anh Ng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, bà A có đến nhà gặp chị K (vợ anh Ng) để đòi nợ do anh Ng thiếu, khi nghe tin thì anh Ng có về nhà và điện thoại yêu cầu gặp mặt bà A để nói rõ nhưng bà A không gặp mặt, một thời gian sau bà A có gặp anh Ng tại chợ TL và đòi nợ anh Ng nhưng anh Ng không thừa nhận nợ. Sau đó, bà A có yêu cầu Ban quản lý ấp TL, xã TĐ giải quyết, tại đây anh Ng cũng không thừa nhận có nợ tiền bà A, việc giải quyết tại Ban quản lý ấp TL có lập biên bản hòa giải. Bà A tiếp tục yêu cầu xã hội đen lại nhà anh đòi nợ, việc này anh có làm đơn trình báo với công an huyện HT và công an xã TĐ giải quyết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, anh Ng không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết, tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018 và biên bản lấy lời khai đối chất ngày 11/4/2018, bị đơn chị PTTK trình bày như sau:

Chị K và anh Ng là vợ chồng, từ trước đến nay vợ chồng anh chị không có bất kỳ quan hệ vay mượn tiền gì với bà A. Cuối năm 2016, khi anh Ng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, bà A và con gái bà A nhiều lần lại nhà tìm anh Ng để đòi nợ, lần nào lại nhà bà A cũng mang theo dao, chị K rất sợ hãi nên năn nỉ bà A mỗi tháng chị sẽ trả cho bà A số tiền 2.000.000 đồng, còn việc có nợ hay không đợi anh Ng về chị hỏi nhưng bà A không đồng ý. Sau đó, chị có gom tiền được 2.000.000 đồng, trên đường đi rước con chị có điện thoại cho bà A lại trường học lấy tiền nhưng người nghe máy là con gái của bà A và con gái bà A không chịu lấy và nói là để gặp anh Ng nói chuyện cho rõ ràng việc có nợ hay không. Sau đó, anh Ng về nhà thì chị K có hỏi và anh Ng trả lời là không có nợ tiền của bà A, chị có điện thoại cho bà A lại nói chuyện với anh Ng cho rõ ràng nhưng bà A không lại. Sau đó, chị nghe anh Ng nói là bà A có gặp anh Ng tại chợ TL và đòi nợ nhưng anh Ng nói không có nợ. Thời gian nào không nhớ chính xác, Văn phòng ấp TL có mời anh Ng đến giải quyết 01 lần về việc nợ tiền của bà A nhưng anh Ng cũng không thừa nhận.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, chị K không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh NTH trình bày như sau:

Giữa bà A và vợ chồng anh Ng, chị K biết nhau do cùng xóm nhưng chỉ là quen biết bình thường, từ trước đến nay hai bên không hề có việc vay mượn tiền với nhau nên anh Ng và chị K không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT trình bày:

Về thủ tục tố tụng:

Hội đồng xét xử và các bên đương sự đã thực hiện quyền và Ng vụ tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Bà A cho anh Ng vay tiền không lập giấy tờ, anh Ng không thừa nhận nợ, bà A có xuất trình chứng cứ là đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà A và chị K vợ của anh Ng, chị K chỉ hứa sẽ trả cho bà A số tiền 2.000.000 đồng/tháng, chị K không thừa nhận có nợ tiền của bà A và việc vay tiền là giữa bà A với anh Ng, chị K không biết, do đó, không có đủ căn cứ xem xét yêu cầu khởi kiện của bà A. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A đối với anh Ng, chị K. Bà A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Bà DTA khởi kiện yêu cầu anh LMN và chị PTTK cùng có Ng vụ trả cho bà số tiền nợ vay 420.000.000 đồng, anh Ng, chị K không thừa nhận có nợ tiền của bà A nên hai bên phát sinh tranh chấp, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2]. Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, bà A trình bày trong khoảng thời gian từ ngày 28/3/2016 âm lịch đến ngày 17/4/2016 âm lịch, bà A có cho anh LMN vay tiền 03 lần với số tiền 420.000.000 đồng, lần thứ nhất số tiền 10.000.000 đồng; lần thứ hai với số tiền 20.000.000 đồng, mục đích vay là để chữa bệnh cho con; lần thứ ba vay số tiền 390.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Bà A khẳng định việc vay tiền giữa bà A và anh Ng thì anh Ng là người trực tiếp vay và nhận tiền, bà A không có yêu cầu phải có chị K cùng đến vay thì bà mới đồng ý cho vay. Như vậy, thời điểm vay tiền bà A không quan tâm là chị K có biết khoản nợ này hay không, chị K không thừa nhận có biết khoản nợ này. Do đó, có căn cứ khẳng định chị K không liên quan đến việc vay tiền giữa bà A và anh Ng.

[3]. Xét lời trình bày của bà A cho rằng do tin tưởng anh Ng nên không yêu cầu anh Ng làm giấy vay tiền thấy rằng: Xét về trình tự thời gian vào ngày 28/03/2016 âm lịch, bà A cho anh Ng vay 10.000.000 đồng để chữa bệnh cho con, hẹn 01 tháng trả, đến ngày 28/04/2016 âm lịch, anh Ng không có tiền trả nên chỉ đóng lãi cho bà A số tiền 400.000 đồng; ngày 02/5/2016 âm lịch, bà A lại tiếp tục cho anh Ng vay thêm số tiền 20.000.000

đồng để chữa bệnh cho con, cả hai lần này anh Ng đều chưa trả nhưng đến ngày 17/5/2016 âm lịch, bà A lại tiếp tục cho anh Ng vay số tiền lớn là 390.000.000 đồng là không hợp lý vì bà A trình bày số tiền bà A cho anh Ng vay là tiền mà bà A vay lại của người khác, khi vay tiền của người khác, bà A có ký tên vào sổ của người cho vay. Như vậy, bà A biết việc vay tiền là phải làm giấy tờ, quan hệ giữa bà A và anh Ng không thân thiết, hai bên chưa từng có việc vay mượn tiền với nhau trước đó, nên bà A cho rằng do tin tưởng anh Ng mới cho anh Ng vay số tiền lớn mà không làm giấy tờ là không hợp lý.

[4]. Trong quá trình Tòa án giải quyết và tại phiên tòa, bà HTT cho rằng khi bà A cho anh Ng vay tiền thì có mặt của bà Thu, bà Thu trực tiếp thấy bà A đưa tiền cho anh Ng và hai người không có viết giấy nợ, lý do bà Thu biết được sự việc là ngày 17/5/2016 âm lịch, bà Thu có đi với bà A đến nhà anh Ng để bà A giao số tiền 390.000.000 đồng cho anh Ng. Xét lời trình bày của bà Thu thấy rằng: Bà Thu là người làm chứng do bà A yêu cầu Tòa án làm việc, mặt dù lời khai của bà Thu phù hợp với lời khai của bà A, nhưng không phù hợp với bất kỳ chứng cứ nào khác có trong hồ sơ vụ án. Tại buổi lấy lời khai đối chất giữa bà A, bà Thu và anh Ng vào ngày 10/11/2017, không chứng minh được bà Thu có chứng kiến việc cho vay tiền giữa bà A và anh Ng như lời trình bày của bà A và bà Thu nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bà Thu là chứng cứ trong vụ án.

[5]. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cho các đương sự nghe đoạn ghi âm số 2, là chứng cứ do bà A cung cấp, ghi âm lại cuộc nói chuyện giữa bà A và chị K thấy rằng: Trong quá trình làm việc, chị K thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm là của chị K, chị K cho rằng do bà A lại nhà gặp chị đòi nợ nhiều lần và lần nào cũng cầm dao, lúc đó anh Ng không có ở nhà nên chị sợ hãi, chị mới năn nỉ bà A là để trả bà A 2.000.000 đồng/tháng còn việc có nợ bà A hay không thì chị không biết, phải chờ anh Ng về. Chị K không biết việc vay tiền giữa anh Ng và bà A và cũng không có thừa nhận là có nợ tiền của bà A. Bà A cũng trình bày người trực tiếp vay tiền của bà là anh Ng chứ không phải chị K. Tại biên bản lấy lời khai đối chất ngày 11/4/2018, bà A thừa nhận do thấy bà tội nghiệp nên chị K mới đồng ý trả cho bà 2.000.000 đồng/tháng nhưng bà không đồng ý. Như vậy, toàn bộ nội dung ghi âm của đoạn ghi âm số 2 chỉ chứng minh được có việc bà A gặp chị K để đòi nợ của anh Ng và chứng minh chị K có hứa trả cho bà 2.000.000 đồng/tháng; không chứng minh được việc anh Ng có vay tiền của bà A như lời bà A trình bày.

[6]. Ngoài ra, bà A còn nộp cho Tòa án 05 đoạn ghi âm, bà A không nộp văn bản phiên nội dung ghi âm, Tòa án đã ấn định cho bà A thời gian nộp nhưng bà A vẫn không nộp nên 05 đoạn ghi âm còn lại không phải là chứng cứ trong vụ án.

[7]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà A thấy rằng: Bà A khởi kiện yêu cầu anh Ng và chị K cùng có Ng vụ trả cho bà số tiền 420.000.000 đồng nhưng anh Ng và chị K không đồng ý trả, bà A không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà A đối với anh Ng và chị K.

[8]. Về án phí: Bà A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + 4% x 20.000.000 đồng = 20.800.000 đồng (Hai chục triệu, tám trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471; 474; 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà DTA đối với anh LMN và chị PTTK.

2. Về án phí:

Bà A phải chịu 20.800.000 đồng (Hai chục triệu, tám trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.400.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm ngàn đồng) bà A đã nộp theo biên lai thu số 0004602 ngày 16/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HT, tỉnh TN, Bà A còn phải tiếp tục nộp số tiền 10.400.000 đồng (Mười triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện HT;
- Chi cục THA DS huyện HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng